TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS – ST
Ngày: 04 – 01 – 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

2. Bà Lê Thị Thanh Vân.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự về việc *"Tranh chấp hợp đồng dịch vụ"* thụ lý số 263/2022/TLST – DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2022/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 453/2022/QĐXXST – DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm 1952

Địa chỉ: Số A/B, khóm P, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số C/D, khóm P, phường Q, thành phố X, tỉnh An Giang (theo văn bản ủy quyền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng H, số chứng nhận 613, quyển số 01SCT/CK,ĐC ngày 25/7/2022).

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Số E/F, khóm D, phường N, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, có mặt ông T, vắng mặt ông K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện của ông Ngô Văn M, các biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của ông M là ông Nguyễn Ngọc T trình bày:***

Ông M nhu cầu xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị mất. Tuy nhiên, do ông M lớn tuổi nên ông nhờ ông K thực hiện công việc này thay. Vào ngày 15/9/2021, giữa ông M và ông K ký kết Hợp đồng nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung, ông M yêu cầu ông K làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bổ sung thêm hiện trạng đang ở với diện tích: 36,1m^2 + 23m^2 = 59,1m^2 , tổng số tiền phí ông M đã trả cho ông K là 8.700.000 (tám triệu bảy trăm ngàn) đồng, thời gian hoàn thành từ ngày 15/9/2021 đến ngày 20/01/2022. Ngoài ra, ông K còn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và hoàn trả tiền lại cho ông M khi không hoàn thành được công việc mà ông M đã yêu cầu. Đến ngày 14/3/2022, ông K xin gia hạn thời gian hoàn thành hồ sơ là cuối tháng 3 và cam kết sẽ trả lại số tiền 8.500.000đ cho ông M (được đề tại trang 02, cuối Hợp đồng ngày 15/9/2021) khi không thực hiện được. Tuy nhiên, sau đó ông K vẫn không thực hiện được công việc đã nhận. Đến ngày 26/5/2022, ông M gửi Đơn đến Văn phòng Khóm D, tại Văn phòng khóm ông K tiếp tục ghi giấy hứa hẹn là đúng ngày 12/6/2022 sẽ trả lại ông M số tiền đã nhận nhưng không K không thực hiện. Do đó, ông M yêu cầu ông Lê Quốc K trả lại số tiền 8.500.000 đồng (tám triệu năm trăm nghìn) đồng đã nhận theo Hợp đồng nhận làm quyền sử dụng đất ngày 15/9/2021 và giấy cam kết ngày 26/5/2022.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được Tòa án thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là phù hợp điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn xét xử đảm bảo theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét Hợp đồng nhận làm quyền sử dụng đất giữa ông M và ông K được lập thành văn bản, nội dung của hợp đồng tuân thủ đúng các quy định theo các Điều 513, 514 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nhận thấy, đến nay ông K vẫn chưa thực hiện xong nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông M đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông K trả lại số tiền 8.500.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghe ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa ông Ngô Văn M và ông Lế Quốc K là tranh chấp hợp đồng dịch vụ được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Lê Quốc K có nơi cư trú tại phường N, thành phố X, tỉnh An Giang. Căn

cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[2] Ông Ngô Văn M là nguyên đơn trong vụ án ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T. Việc ủy quyền được lập thành văn bản, được chứng nhận và nội dung ủy quyền không trái với quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, ông K tiếp tục vắng mặt lần thứ hai, không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[4] Ông K vẫn còn sinh sống tại địa phương và trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không nộp Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông M, không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và không đến tham gia phiên tòa. Như vậy, ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết.

[5] Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, nguyên đơn cung cấp: bản chính Hợp đồng nhận làm quyền sử dụng đất không đề ngày tháng năm giữa ông Ngô Văn M với ông Lê Quốc K, bản chính Giấy cam kết của ông Lê Quốc K đề ngày 26/5/2022.

[6] Qua tài liệu, chứng cứ thể hiện, ông M thuê ông K thực hiện công việc là tiến hành thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí là 8.700.000 đồng, thời gian hoàn thành được ấn định từ ngày 15/9/2021 đến ngày 20/01/2022, tại hợp đồng có thỏa thuận phải hoàn trả lại tiền nếu không thực hiện được công việc, tại mặt sau có xác nhận của ông K ngày 14/3/2022, nội dung hẹn lại cuối tháng 03 sẽ hoàn thành công việc. Đến ngày 26/5/2022, ông Lê Quốc K viết cam kết sẽ trả lại đủ số tiền là 8.500.000 đồng cho ông M vào ngày 12/6/2022.

[7] Như vậy, đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa ông M và ông K đã xác lập giao dịch dân sự là hợp đồng dịch vụ. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên được lập thành văn bản, thỏa mãn điều kiện không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận giao dịch dân sự này và căn cứ các Điều 515, 516, 517, 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (viết tắt BLDS 2015) để xem xét yêu cầu khởi kiện.

[8] Xét thấy, mặc dù hai bên thỏa thuận thêm thời gian thực hiện công việc theo yêu cầu của hợp đồng nhưng ông K vẫn không thể hoàn thành đúng thời hạn. Như vậy, ông K đã vi phạm nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều 517 của BLDS 2015. Do đó, ông M đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông K trả lại tiền là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 179, Điều 227, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 513, 514, 515, 516, 517 và 519 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Các Điều 2, 6, 7, 9 và 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Lê Quốc K có nghĩa vụ trả cho ông Ngô Văn M số tiền là 8.500.000 (tám triệu năm trăm nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích theo Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TP.Long Xuyên
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

Trần Phạm Xuân Khanh